**PHỤ LỤC III**

MÃ SỐ ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI
*(Kèm theo Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ)*

Mã số của đơn vị đăng kiểm xe cơ giới được quy định như sau:

1. Mã số đơn vị đăng kiểm xe cơ giới bao gồm 3 phần chính, nối giữa thành phần thứ nhất và thứ hai là nét vạch ngang (-).

2. Phần I - Hai số đầu: Chỉ mã địa phương nơi đơn vị đăng kiểm hoạt động được quy định tại bảng dưới đây:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Trung tâm đặt trên địa phương** | **Hai số đầu** |
| 1 | Cao Bằng | 11 |
| 2 | Lạng Sơn | 12 |
| 3 | Quảng Ninh | 14 |
| 4 | Hải Phòng | 15 |
| 5 | Thái Bình | 17 |
| 6 | Nam Định | 18 |
| 7 | Phú Thọ | 19 |
| 8 | Thái Nguyên | 20 |
| 9 | Yên Bái | 21 |
| 10 | Tuyên Quang | 22 |
| 11 | Hà Giang | 23 |
| 12 | Lào Cai | 24 |
| 13 | Lai Châu | 25 |
| 14 | Sơn La | 26 |
| 15 | Điện Biên | 27 |
| 16 | Hòa Bình | 28 |
| 17 | Hà Nội | 29 |
| 18 | Hải Dương | 34 |
| 19 | Ninh Bình | 35 |
| 20 | Thanh Hóa | 36 |
| 21 | Nghệ An | 37 |
| 22 | Hà Tĩnh | 38 |
| 23 | Đà Nẵng | 43 |
| 24 | Đắk Lắk | 47 |
| 25 | Đắk Nông | 48 |
| 26 | Lâm Đồng | 49 |
| 27 | TP. Hồ Chí Minh | 50 |
| 28 | Đồng Nai | 60 |
| 29 | Bình Dương | 61 |
| 30 | Long An | 62 |
| 31 | Tiền Giang | 63 |
| 32 | Vĩnh Long | 64 |
| 33 | Cần Thơ | 65 |
| 34 | Đồng Tháp | 66 |
| 35 | An Giang | 67 |
| 36 | Kiên Giang | 68 |
| 37 | Cà Mau | 69 |
| 38 | Tây Ninh | 70 |
| 39 | Bến Tre | 71 |
| 40 | Bà Rịa Vũng Tầu | 72 |
| 41 | Quảng Bình | 73 |
| 42 | Quảng Trị | 74 |
| 43 | Thừa Thiên - Huế | 75 |
| 44 | Quảng Ngãi | 76 |
| 45 | Bình Định | 77 |
| 46 | Phú Yên | 78 |
| 47 | Khánh Hòa | 79 |
| 48 | Gia Lai | 81 |
| 49 | Kon Tum | 82 |
| 50 | Sóc Trăng | 83 |
| 51 | Trà Vinh | 84 |
| 52 | Ninh Thuận | 85 |
| 53 | Bình Thuận | 86 |
| 54 | Vĩnh Phúc | 88 |
| 55 | Hưng Yên | 89 |
| 56 | Hà Nam | 90 |
| 57 | Quảng Nam | 92 |
| 58 | Bình Phước | 93 |
| 59 | Bạc Liêu | 94 |
| 60 | Hậu Giang | 95 |
| 61 | Bắc Kạn | 97 |
| 62 | Bắc Giang | 98 |
| 63 | Bắc Ninh | 99 |
| *Ghi chú*: Trường hợp chia tách, hợp nhất, sáp nhập các tỉnh, thành phố thì Mã đơn vị đăng kiểm được lấy theo mã của tỉnh, thành phố mới tương ứng. |

3. Phần II - Hai số giữa: Chỉ thứ tự đơn vị đăng kiểm có trong một địa phương, các đơn vị đăng kiểm thành lập sau sẽ nối tiếp dãy số tự nhiên đã có.

4. Phần III - Ký tự cuối cùng: Là chữ cái thể hiện loại hình đơn vị đăng kiểm, quy định cụ thể như sau:

- Chữ S: Chỉ đơn vị đăng kiểm thuộc Sở Giao thông vận tải;

- Chữ V: Chỉ đơn vị đăng kiểm thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam;

- Chữ D: Chỉ đơn vị đăng kiểm thuộc loại hình Doanh nghiệp.

5. Ví dụ:

|  |  |
| --- | --- |
| 50-01S: | 50: Đơn vị đăng kiểm tại Thành phố Hồ Chí Minh01: Đơn vị thứ nhấtS: Đơn vị thuộc Sở GTVT |